TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 4 - 2024
"Về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thành và ông Nguyễn Trường Ca.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Đức Phú – Thẩm tra viên Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 449/2023/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 14/3/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố C, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Số 8/1b, tổ 3, ấp 3, đường T, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Anh Đoàn Hồng H, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu dân cư K, phường C1, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1981; địa chỉ: Khu dân cư số 3 B, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q và bị đơn là anh Hoàng Văn N đều trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Q và anh N kết hôn với nhau ngày 29/3/2018, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Bắc Giang và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới

theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau tại huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Theo chị Q trình bày: C và anh N chung sống với nhau đến tháng 12/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm, về tính cách, về phương pháp chăm sóc con cái và về kinh tế gia đình. Từ đó vợ chồng xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Đến tháng 02/2020 vợ chồng chị mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống gia đình trong trạng thái căng thẳng, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Vợ chồng chị ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Trong thời gian ly thân, anh N có gọi điện để chửi bới, xúc phạm chị. Chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N đã hết, không thể quay về để tiếp tục chung sống hạnh phúc với nhau được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Theo anh N trình bày: Anh chị chung sống với nhau đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, đồng thời mâu thuẫn trầm trọng từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung về giải quyết các công việc trong gia đình, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, có những lời nói thiếu tôn trọng nhau. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay không quan tâm đến nhau. Bản thân anh đã cố gắng khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị Q không hợp tác nên tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh chị không khắc phục được. Anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, anh đồng ý ly hôn chị Q.

- *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018, hiện đang sống cùng chị Q.

Theo chị Q trình bày: Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Cháu Việt A sống ổn định với chị tại thành phố Hồ Chí Minh từ khi chị và anh N ly thân đến nay. Hiện nay chị đang thuê nhà tại số 8/1b, tổ 3, ấp 3, đường T, xã X, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh và là lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng hơn 20.000.000 đồng. Hiện cháu Việt A đang học tại lớp Lá 3, trường mầm non Thiên Đức (địa chỉ: Số 2 T, Ấp 7, xã X, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh). Trong thời gian vợ chồng ly thân, một mình chị nuôi dưỡng con nhưng anh Nam không quan tâm, không cấp dưỡng nuôi con với chị.

Theo anh N trình bày: Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Hiện nay anh có nhà và đất ở, anh là lao động tự do, thu nhập bình quân mỗi tháng 12.000.000 đồng. Anh chỉ đồng ý giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng khi chị Q viết bản cam đoan có xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị Q đăng ký thường trú với nội dung sẽ tạo điều kiện cho anh được thăm nom con chung, được đưa đón con chung vào các dịp con chung được nghỉ học. Trường hợp Tòa án có giao con cho ai nuôi dưỡng thì người đó phải có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc con cái, không đặt ra việc cấp dưỡng.

- *Về quan hệ tài sản:* Chị Q và anh N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo ông Nguyễn Văn B là bố của chị Q trình bày: Chị Q và anh N kết hôn và chung sống với nhau tại tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2021 anh chị mâu thuẫn, chị Q vào thành phố Hồ Chí Minh sống còn anh N về Hải Dương sống. Trước khi kết hôn với anh N, chị Q có 01 con riêng là Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 20/8/2012. Chị Q và anh N có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018. Hiện nay chị Q đang nuôi dưỡng cả hai cháu. Mặc dù chị Q đủ điều kiện kinh tế để nuôi con nhưng gia đình ông hàng tháng đều hỗ trợ chị Q từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng để nuôi con.

Theo bà Phương Thị M là mẹ của anh N trình bày: Chị Q và anh N kết hôn và chung sống với nhau tại tỉnh Bắc Giang. Đến năm 2021 anh chị mâu thuẫn, chị Q vào thành phố Hồ Chí Minh sống còn anh N về khu dân cư số 3 B, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương sống. Trước khi kết hôn với chị Q, anh N có 02 con riêng là Hoàng Văn H1, sinh năm 2006 và Hoàng Thị Thu H2, sinh năm 2009, hiện đang do anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N và chị Q có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018, đang sống cùng chị Q. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị Q để chị Q được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Việt A vì cháu Việt A còn nhỏ, sống với chị Q từ nhỏ đến nay. Nếu chị Q không nuôi cháu Việt A mà giao con cho anh N nuôi dưỡng thì tuy bà không sống cùng nhà với anh N nhưng bà sẽ hỗ trợ anh N đưa đón con đi học vì bà vẫn còn khỏe mạnh, kinh tế đủ sống.

Theo xác minh tại khu dân cư số 3 B, phường P: Anh N và chị Q đăng ký kết hôn vào năm 2018 và chung sống với nhau tại tỉnh Bắc Giang. Khoảng năm 2021 anh N về địa phương sinh sống tại nhà đất của anh N, còn chị Q chưa bao giờ về địa phương sống. Hiện nay anh chị đang mâu thuẫn và ly thân. Anh chị có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh năm 2018, hiện đang sống cùng chị Q, anh N có 02 con riêng là Hoàng Văn H1, sinh năm 2006 và Hoàng Thị Thu H2, sinh năm 2009, hiện đang sống cùng anh N.

- *Tại phiên tòa:*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là anh Đoàn Hồng H trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Q được ly hôn anh N; đề nghị giao con chung là cháu Hoàng Việt A cho chị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Q không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị; chị Q không yêu cầu giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Hoàng Văn N nhất trí ly hôn chị Nguyễn Thị Q; đề nghị Tòa án giao con chung cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con chung; anh chỉ đồng ý giao con chung cho chị Q khi chị Q giao cho anh Bản cam kết của chị có xác nhận của chính quyền địa phương nơi chị Q đăng ký thường trú về nội dung chị Q đồng ý cho anh được thăm nom con chung và được thực hiện quyền của người cha. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa; việc

chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q, cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Hoàng Văn N. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Q tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án thụ lý vụ án về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*", bị đơn là anh Hoàng Văn N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Khu dân cư số 3 B, phường P, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Toà án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập cho các đương sự. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Q.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh N kết hôn với nhau ngày 29/3/2018 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa chị Q và anh N có mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất được với nhau về công việc chung trong gia đình. Từ đó vợ chồng hay xảy ra cãi vã, thiếu tôn trọng nhau. Hiện nay anh chị đang ly thân và không quan tâm đến nhau. Anh N và chị Q đều xác định tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã hết, chị Q xin ly hôn anh N, anh N đồng ý ly hôn chị Q. Việc anh chị không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt

được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Q được ly hôn anh N.

Về quan hệ con chung: Chị Q và anh N có 01 con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018, hiện đang sống cùng chị Q. Khi ly hôn, chị Q và anh N đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của các bên về việc xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đều chính đáng. Nhưng anh N và chị Q chỉ có 01 con chung là cháu Việt A nên việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét các điều kiện về nuôi con để đảm bảo tốt nhất quyền và lợi ích của con chung. Hiện nay chị Q và anh N đều đang trực tiếp nuôi dưỡng con riêng (chị Q nuôi dưỡng 01 con riêng, anh N nuôi dưỡng 02 con riêng); chị Q và anh N hiện đều có nơi ở và công việc tương đối ổn định, có thu nhập, đảm bảo điều kiện kinh tế đủ khả năng nuôi con. Tuy nhiên, cháu Việt A hiện vẫn còn nhỏ, cháu được chị Q trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, hiện nay cháu đang sinh sống và học tập ổn định. Xét việc anh N đưa ra quan điểm là anh chỉ đồng ý giao con cho chị Q khi chị Q có Bản cam kết về nội dung tạo điều kiện cho anh N được thăm nom con chung và được thực hiện quyền của người cha là không cần thiết, vì quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi dưỡng con luôn được pháp luật bảo vệ, được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình. Nên đến nay chị Q không có bản cam kết cũng không ảnh hưởng đến quyền của anh N về việc thăm nom con chung. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q, giao con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018 cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác; chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về quan hệ tài sản: Chị Q và anh N đều không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Q, cho chị Nguyễn Thị Q được ly hôn anh Hoàng Văn N.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Hoàng Việt A, sinh ngày 13/4/2018 cho chị Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 4/2024 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Q tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung với chị.

Anh Hoàng Văn N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Q đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0003729 ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị Q đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thành phố Chí Linh;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND thị trấn Lục Nam, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hậu